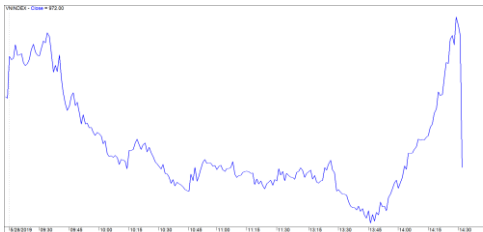


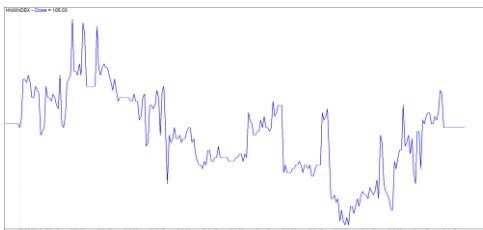
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	972.00	105.03	55.13
% ngày	-0.32%	-0.01%	-0.22%
% tuần	-1.45%	-1.18%	-0.47%
% tháng	-0.78%	-2.26%	-1.96%
% năm	4.32%	-2.18%	7.89%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,416	371	636
TB 1 tuần	3,640	429	505
TB 1 tháng	3,944	437	301
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	800.98	4.82	16.09
Bán	773.98	14.79	31.44
Giá trị ròng	27.00	-9.98	-15.35
Độ rộng TT			
Mã Tăng	148	63	192
Mã Giảm	144	70	108
Không Đổi	92	246	570
Chỉ số chính			
P/E	16.82	9.47	16.63
Vốn hóa			
TT	3,287	192	932
(ngàn tỷ)			
LS Cổ tức	4.73%	4.09%	7.69%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc xanh bao phủ trên hầu hết thị trường chứng khoán Châu Á khi Shanghai Composite tăng 0.61%, Nikkei 225 tăng 0.37%, Hang Seng và Kospi cũng có mức tăng nhẹ.

Thị trường có phiên “kéo co” khá mạnh. Mặc dù đảo chiều tăng mạnh trong phiên chiều nhưng thành quả này đã không giữ được vào phiên ATC. Đóng cửa chỉ số VN-Index giảm 0.32% dừng tại 972 điểm trong khi HNX-Index giảm không đáng kể neo tại 105.03 điểm, Upcom-Index dừng tại 55.13 điểm giảm 0.22%. Thanh khoản toàn thị trường ước đạt 3,300 tỷ đồng khớp lệnh.

Nhóm cổ phiếu trong VN30 ghi nhận sự phân hóa với số mã giảm vẫn chiếm ưu thế. Trong đó, VCB, VIC, VHM biến động mạnh trong khi VJC, PNJ, MWG giữ đà tăng. Đáng chú ý khối ngoại giao dịch mạnh ở nhóm bluechip trong phiên hôm nay. Đây có thể là hoạt động tái cơ cấu của quỹ iShare MSCI Frontier Market 100 ETF với hạn chót để cơ cấu danh mục của quỹ là thứ 6 tuần này. Nhóm cổ phiếu hàng không VJC(3.7%), HVN(3.7%), Dầu khí PVD(3.8%), PLX(2.1%), PVS(1.2%) và Bất động sản khu công nghiệp KBC(2.5%), LHG(1.8%), ITA(4.1%)... là những nhóm ngành tăng vượt trội. Ngoài ra, nhiều mã Mid-Cap tăng giá khá tốt như DPR, NKG, CMG, GEX, PVD, ITA, KBC, HT1.

Khối ngoại có phiên mua ròng nhưng không đáng kể. Khối này mua ròng mạnh VJC, POW trong khi bán ròng mạnh HPG.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại vùng giá 980 điểm của chỉ số VN-Index và tiếp tục đi ngang quanh vùng giá này trong vài phiên tới. Đồng thời, lực cầu có thể dần gia tăng trong những phiên tới khi thị trường cũng đang rơi vào trạng thái quá bán ngắn hạn, điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền ngắn hạn có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu. Ngoài ra, tâm lý nhà đầu tư tiếp tục khả quan hơn, nhưng tâm lý lạc quan vẫn chưa rõ ràng, đặc biệt tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu lại danh mục.

Chúng tôi duy trì đánh giá mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 990.84 điểm của chỉ số VN-Index và 107.20 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu để tìm kiếm cơ hội đầu tư ngắn hạn.

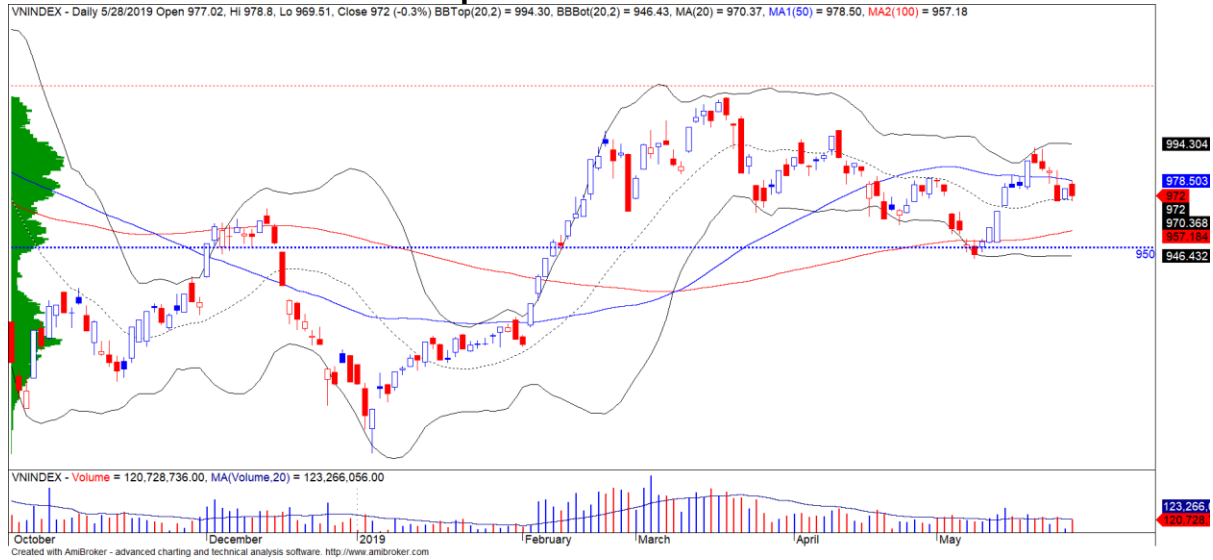
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 53% cổ phiếu/47% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

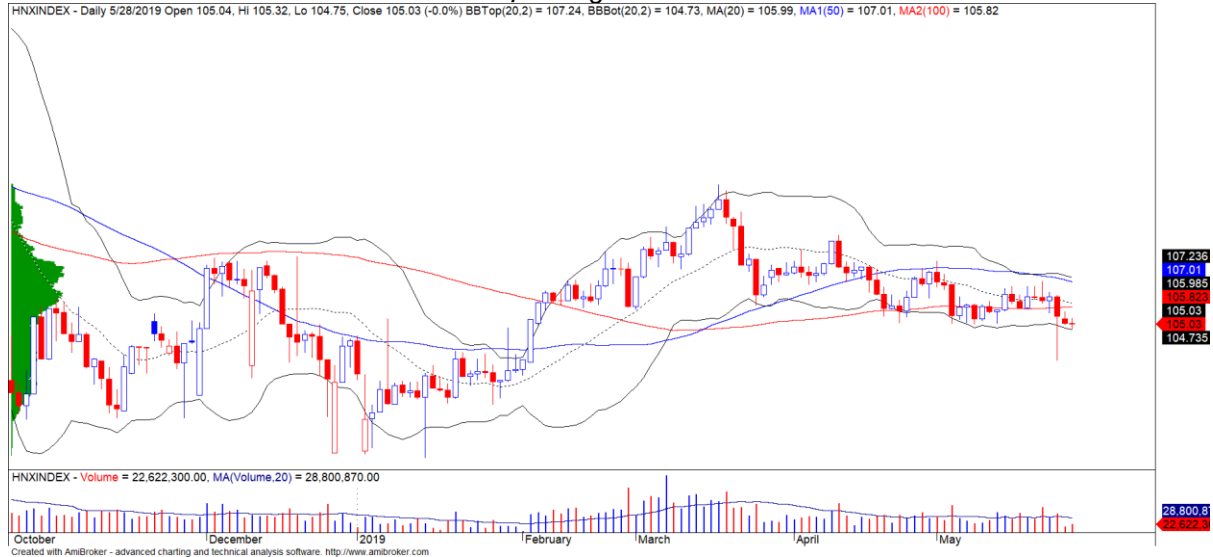


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17,700	GIẢM	TĂNG		18,156			16,850	16,230	5.04%	
ACB	28,900	GIẢM	GIẢM		29,635				32,308		
ACV	81,500	TĂNG	TĂNG	82,800	80,009	-1.57%		90,000	79,578	-9.44%	
ANV	32,900	TĂNG	TĂNG	26,700	30,144	23.22%		30,000	26,633	9.67%	
ASM	7,500	TĂNG	GIẢM	7,750	7,436	-3.23%			8,502		
BFC	20,700	TĂNG	GIẢM	21,800	20,332	-5.05%			24,091		
BID	32,300	GIẢM	TĂNG		33,593			33,400	31,227	-3.29%	
BMP	46,050	GIẢM	GIẢM		46,659				51,260		
BSR	13,900	TĂNG	GIẢM	14,200	13,571	-2.11%			14,995		
BVH	76,300	TĂNG	GIẢM	79,000	74,727	-3.42%			85,113		
BWE	25,650	GIẢM	TĂNG		25,657			20,000	24,073	28.25%	
CEO	11,900	TĂNG	GIẢM	12,200	11,685	-2.46%			13,256		
CII	23,300	GIẢM	GIẢM		24,014				25,491		
CMX	24,000	GIẢM	TĂNG		25,121			5,910	21,617	306.09%	
CSM	15,400	TĂNG	TĂNG	15,250	14,746	0.98%		14,390	14,225	7.02%	
CTD	113,000	GIẢM	GIẢM		118,417				131,020		
CTG	21,000	TĂNG	TĂNG	21,350	20,598	-1.64%		22,700	19,639	-7.49%	
CTI	23,350	GIẢM	TĂNG		23,735			26,850	23,186	-13.04%	BÁN
CTR	29,100	GIẢM	N/A		29,160				4,413		
CVT	19,300	GIẢM	GIẢM		20,588			20,171	19,642	-2.62%	
DCM	8,480	GIẢM	GIẢM		8,645				9,161		
DGC	31,200	GIẢM	GIẢM		31,951				35,196		
DGW	22,800	TĂNG	GIẢM	23,100	22,464	-1.30%			24,255		
DHA	36,100	TĂNG	TĂNG	32,250	35,429	11.94%		29,100	32,428	24.05%	
DHC	41,000	TĂNG	TĂNG	40,900	39,230	0.24%		35,200	35,540	16.48%	
DHG	115,900	TĂNG	TĂNG	115,900	111,777	0.00%		93,000	109,338	24.62%	
DIG	14,000	GIẢM	GIẢM		14,610				15,955		
DPG	40,500	TĂNG	TĂNG	40,700	38,664	-0.49%		40,018	34,775	1.21%	
DPM	18,250	TĂNG	GIẢM	18,150	17,731	0.55%			19,712		
DPR	44,000	TĂNG	TĂNG	38,800	39,110	13.40%			40,501		
DQC	18,700	GIẢM	GIẢM		20,368				22,527		
DRC	21,850	GIẢM	GIẢM	22,000	22,354	1.61%	BÁN		23,650		
DXG	18,950	GIẢM	GIẢM		19,588				22,180		
EIB	18,000	TĂNG	TĂNG	17,800	17,455	1.12%		14,700	16,280	22.45%	
FCN	14,400	GIẢM	TĂNG		15,178			16,050	13,649	-10.28%	

We Create Fortune

FMC	28,500	TĂNG	GIẢM	28,950	27,778	-1.55%		30,886			
FPT	44,850	TĂNG	TĂNG	46,000	44,104	-2.50%		46,000	41,391	-2.50%	
GAS	107,900	GIẢM	TĂNG		112,145			101,000	101,898	6.83%	
GEX	22,800	TĂNG	TĂNG	22,900	21,903	-0.44%		24,700	21,615	-7.69%	
GIL	32,650	GIẢM	GIẢM		34,051				37,019		
GMD	27,100	TĂNG	GIẢM	26,350	26,311	2.85%			27,993		
GTN	18,650	TĂNG	TĂNG	17,850	17,421	4.48%		15,000	16,369	24.33%	
GVR	12,700	TĂNG	TĂNG	12,000	10,978	5.83%					
HAG	5,160	GIẢM	GIẢM		5,356				5,935		
HAX	14,100	GIẢM	GIẢM		14,320				15,510		
HBC	16,950	TĂNG	GIẢM	16,300	16,468	3.99%			18,315		
HCM	24,550	TĂNG	GIẢM	26,400	24,462	-7.01%			27,107		
HDB	26,900	TĂNG	GIẢM	27,600	25,807	-2.54%			29,828		
HDC	16,550	TĂNG	GIẢM	15,700	15,642	5.41%			16,575		
HDG	41,150	TĂNG	GIẢM	40,600	38,361	1.35%			43,194		
HNG	15,400	TĂNG	GIẢM	15,700	15,086	-1.91%			16,554		
HPG	32,050	GIẢM	TĂNG		33,274			33,900	29,983	-5.46%	
HSG	8,440	TĂNG	TĂNG	7,700	7,903	9.61%		9,300	6,886	-9.25%	
HT1	16,950	GIẢM	TĂNG		17,753			14,800	15,465	14.53%	
HUT	2,900	GIẢM	GIẢM		3,383				4,146		
HVN	45,000	TĂNG	TĂNG	41,200	41,315	9.22%		39,000	36,722	15.38%	
KBC	14,450	TĂNG	GIẢM	14,300	13,740	1.05%			15,013		
KDH	30,950	TĂNG	GIẢM	30,900	30,139	0.16%			32,661		
KSB	22,350	GIẢM	GIẢM		23,756				26,296		
LCG	9,990	GIẢM	GIẢM		10,621				11,817		
LDG	9,110	TĂNG	GIẢM	9,560	9,100	-4.71%			11,012		
LHG	19,300	TĂNG	TĂNG	19,350	18,403	-0.26%		19,300	18,998	0.00%	MUA
LPB	8,100	GIẢM	GIẢM		8,475				9,213		
LSS	6,280	TĂNG	GIẢM	6,280	6,232	0.00%	MUA		6,647		
MBB	21,350	GIẢM	TĂNG		21,771			21,850	20,106	-2.29%	
MPC	40,000	GIẢM	TĂNG	43,000	40,373	-6.11%	BÁN	47,500	39,990	-15.79%	
MSN	87,000	TĂNG	TĂNG	88,000	86,956	-1.14%		89,000	80,034	-2.25%	
MSR	17,600	GIẢM	GIẢM		18,544				20,813		
MWG	88,200	TĂNG	TĂNG	87,000	85,348	1.38%		88,700	86,964	-0.56%	MUA
NDN	14,700	TĂNG	TĂNG	14,100	14,190	4.26%		13,700	11,838	7.30%	
NKG	6,180	GIẢM	GIẢM		6,565				7,578		
NLG	30,750	TĂNG	TĂNG	27,650	29,805	11.21%		28,700	27,664	7.14%	
NT2	27,450	GIẢM	GIẢM		28,626				29,219		
NTL	24,200	TĂNG	TĂNG	19,500	23,214	24.10%		10,450	19,624	131.58%	

We Create Fortune

NVL	58,500	TĂNG	GIẢM	58,100	57,570	0.69%			62,332		
OIL	12,700	TĂNG	GIẢM	13,300	12,545	-4.51%			14,394		
PAC	37,200	TĂNG	GIẢM	38,000	36,036	-2.11%			39,387		
PC1	23,750	TĂNG	GIẢM	23,950	23,084	-0.84%			25,195		
PDR	24,700	TĂNG	TĂNG	24,100	23,934	2.49%		29,000	22,026	-14.83%	
PHR	62,000	TĂNG	TĂNG	52,000	56,501	19.23%		24,000	46,883	158.33%	
PLX	67,400	TĂNG	TĂNG	61,400	63,807	9.77%		62,400	57,196	8.01%	
PNJ	108,300	TĂNG	TĂNG	108,000	104,771	0.28%		104,000	93,362	4.13%	
POW	16,000	TĂNG	TĂNG	15,200	15,020	5.26%		15,700	15,625	1.91%	MUA
PVT	17,000	TĂNG	GIẢM	16,950	16,394	0.29%			17,615		
PPC	27,600	TĂNG	TĂNG	27,200	26,469	1.47%		19,700	24,073	40.10%	
PTB	66,600	TĂNG	TĂNG	66,100	63,577	0.76%		64,000	56,935	4.06%	
PVB	19,400	TĂNG	TĂNG	20,100	18,902	-3.48%		20,100	16,786	-3.48%	
PVD	20,300	GIẢM	TĂNG		20,915			18,500	17,783	9.73%	
PVI	37,100	GIẢM	TĂNG		39,447			33,000	35,916	12.42%	
PVS	24,400	TĂNG	TĂNG	22,000	23,476	10.91%		21,100	20,660	15.64%	
PXS	5,050	GIẢM	TĂNG		5,385			4,850	4,262	4.12%	
QNS	31,200	GIẢM	GIẢM		33,017			41,500	36,726	-11.50%	BÁN
REE	32,450	GIẢM	TĂNG	32,100	32,520	1.31%	BÁN	33,325	31,114	-2.63%	
SAB	260,000	TĂNG	TĂNG	253,000	250,134	2.77%		245,000	230,068	6.12%	
SAM	7,520	GIẢM	TĂNG		7,555			7,400	7,052	1.62%	
SCR	7,100	TĂNG	GIẢM	7,250	7,086	-2.07%			7,650		
SHI	8,290	GIẢM	TĂNG		8,555			6,990	7,261	18.60%	
SJS	17,900	TĂNG	GIẢM	18,300	16,721	-2.19%			19,930		
SKG	14,000	TĂNG	GIẢM	13,950	13,636	0.36%			14,892		
SSI	25,200	TĂNG	GIẢM	26,100	25,154	-3.45%			27,560		
STB	11,800	TĂNG	TĂNG	12,350	11,662	-4.45%		13,000	11,486	-9.23%	
TCB	23,100	GIẢM	GIẢM		24,088				N/A		
TCM	29,200	TĂNG	GIẢM	30,400	27,388	-3.95%			33,791		
TDH	11,900	TĂNG	TĂNG	11,700	11,330	1.71%		11,650	10,730	2.15%	
TLH	5,050	GIẢM	TĂNG		5,242			5,390	4,797	-6.31%	
TNG	24,300	TĂNG	TĂNG	22,400	21,944	8.48%		12,000	19,317	102.50%	
VCB	67,400	TĂNG	TĂNG	67,800	66,047	-0.59%		62,000	62,992	8.71%	
VCG	26,600	GIẢM	TĂNG		27,382			19,200	23,906	38.54%	
VCS	64,800	TĂNG	GIẢM	64,800	64,129	0.00%	MUA		71,706		
VGC	#N/A	#N/A	#N/A	20,000	#N/A	#N/A			33,168		
VGT	11,900	TĂNG	GIẢM	12,000	11,274	-0.83%			13,091		
VHC	96,000	TĂNG	GIẢM	93,700	90,491	2.45%			98,373		
VHM	83,500	GIẢM	TĂNG		87,651			80,000	82,630	4.38%	

We Create Fortune

VIB	18,100	GIẢM	TĂNG		18,622			19,700	17,387	-8.12%	
VIC	114,000	TĂNG	TĂNG	113,000	113,329	0.88%		112,000	108,251	1.79%	
VIP	5,730	GIẢM	GIẢM		5,992				6,297		
VJC	125,000	TĂNG	TĂNG	114,400	117,593	9.27%			121,423		
VND	16,200	TĂNG	GIẢM	16,250	16,014	-0.31%			17,819		
VNG	21,400	GIẢM	GIẢM		22,000				23,055		
VNM	132,000	GIẢM	GIẢM		136,675				139,488		
VPB	18,500	TĂNG	GIẢM	19,000	18,466	-2.63%			20,574		
VPI	40,500	GIẢM	GIẢM		41,947				43,124		
VRC	16,750	TĂNG	GIẢM	17,000	16,568	-1.47%			18,678		
VRE	34,600	TĂNG	TĂNG	36,000	34,582	-3.89%		35,000	30,770	-1.14%	
VSC	37,950	TĂNG	GIẢM	37,450	36,937	1.34%			40,353		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	28,900	GIẢM	GIẢM		29,635				32,308		
BID	32,300	GIẢM	TĂNG		33,593			33,400	31,227	-3.29%	
BSR	13,900	TĂNG	GIẢM	14,200	13,571	-2.11%			14,995		
BVH	76,300	TĂNG	GIẢM	79,000	74,727	-3.42%			85,113		
CTG	21,000	TĂNG	TĂNG	21,350	20,598	-1.64%		22,700	19,639	-7.49%	
EIB	18,000	TĂNG	TĂNG	17,800	17,455	1.12%		14,700	16,280	22.45%	
FPT	44,850	TĂNG	TĂNG	40,997	44,104	9.40%		40,997	41,391	9.40%	
GAS	107,900	GIẢM	TĂNG		112,145			99,026	101,898	8.96%	
HDB	26,900	TĂNG	GIẢM	27,600	25,807	-2.54%			29,828		
HNG	15,400	TĂNG	GIẢM	15,700	15,086	-1.91%			16,554		
HPG	32,050	GIẢM	TĂNG		33,274			33,900	29,983	-5.46%	
HVN	45,000	TĂNG	TĂNG	41,200	41,315	9.22%		39,000	36,722	15.38%	
KDH	30,950	TĂNG	GIẢM	30,900	30,139	0.16%			32,661		
MBB	21,350	GIẢM	TĂNG		21,771			21,271	20,106	0.37%	
MSN	87,000	TĂNG	TĂNG	88,000	86,956	-1.14%		89,000	80,034	-2.25%	
MWG	88,200	TĂNG	TĂNG	85,525	85,348	3.13%		88,700	86,964	-0.56%	MUA
NVL	58,500	TĂNG	GIẢM	58,100	57,570	0.69%			62,332		
OIL	12,700	TĂNG	GIẢM	13,300	12,545	-4.51%			14,394		
PLX	67,400	TĂNG	N/A	61,400	63,807	9.77%		62,400	57,196	8.01%	
PNJ	108,300	TĂNG	TĂNG	107,800	104,771	0.46%		103,807	93,362	4.33%	
POW	16,000	TĂNG	TĂNG	15,200	15,020	5.26%		15,700	15,625	1.91%	MUA

We Create Fortune

PVS	24,400	TĂNG	TĂNG	22,000	23,476	10.91%		21,100	20,660	15.64%	
QNS	31,200	GIẢM	GIẢM		33,017				36,726		
REE	32,450	GIẢM	TĂNG	32,100	32,520	1.31%	BÁN	33,325	31,114	-2.63%	
ROS	30,400	GIẢM	TĂNG		32,640			34,800	27,327	-12.64%	
SSI	25,200	TĂNG	GIẢM	26,100	25,154	-3.45%			27,560		
STB	11,800	TĂNG	TĂNG	12,350	11,662	-4.45%		13,000	11,486	-9.23%	
TCB	23,100	GIẢM	GIẢM		24,088				25,683		
TPB	23,750	TĂNG	GIẢM	22,500	23,190	5.56%			N/A		
VCB	67,400	TĂNG	TĂNG	67,800	66,047	-0.59%		62,000	62,992	8.71%	
VCG	26,600	GIẢM	TĂNG		27,382			18,441	23,906	44.24%	
VEA	51,900	TĂNG	GIẢM	50,000	49,599	3.80%			N/A		
VGI	29,200	TĂNG	GIẢM	25,200	25,221	15.87%			N/A		
VHM	83,500	GIẢM	TĂNG		87,651			80,000	82,630	4.38%	
VIB	18,100	GIẢM	TĂNG		18,622			19,700	17,387	-8.12%	
VIC	114,000	TĂNG	TĂNG	113,000	113,329	0.88%		112,000	108,251	1.79%	
VJC	125,000	TĂNG	TĂNG	114,400	117,593	9.27%			121,423		
VNM	132,000	GIẢM	GIẢM		136,675				139,488		
VPB	18,500	TĂNG	GIẢM	19,000	18,466	-2.63%			20,574		
VRE	34,600	TĂNG	TĂNG	34,967	34,582	-1.05%		33,996	30,770	1.78%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17,700	GIẢM	TĂNG		18,156			16,850	16,230	5.04%	
ANV	32,900	TĂNG	TĂNG	25,548	30,144	28.78%		30,000	26,633	9.67%	
ASM	7,500	TĂNG	GIẢM	7,750	7,436	-3.23%			8,502		
BMP	46,050	GIẢM	GIẢM		46,659				51,260		
BWE	25,650	GIẢM	TĂNG		25,657			19,440	24,073	31.94%	
C4G	9,700	GIẢM	#N/A		10,639				#N/A		
CEO	11,900	TĂNG	GIẢM	12,200	11,685	-2.46%			13,256		
CII	23,300	GIẢM	GIẢM		24,014				25,491		
CRE	25,650	GIẢM	#N/A		25,951				#N/A		
CTI	23,350	GIẢM	TĂNG		23,735				23,186		
CTR	29,100	GIẢM	#N/A		29,160				#N/A		
DCM	8,480	GIẢM	GIẢM		8,645				9,161		
DHC	41,000	TĂNG	TĂNG	40,900	39,230	0.24%		35,200	35,540	16.48%	
DIG	14,000	GIẢM	GIẢM		14,610				15,955		

We Create Fortune

DPM	18,250	TĂNG	GIẢM	18,150	17,731	0.55%			19,712		
DRC	21,850	GIẢM	GIẢM	22,000	22,354	1.61%	BÁN		23,650		
DXG	18,950	GIẢM	GIẢM		19,588				22,180		
E1VFN30	14,810	TĂNG	GIẢM	14,940	14,620	-0.87%			15,587		
FCN	14,400	GIẢM	TĂNG		15,178			16,050	13,649	-10.28%	
FLC	4,540	GIẢM	GIẢM		4,726				5,140		
FTM	24,900	TĂNG	TĂNG	15,400	22,756	61.69%		16,250	20,397	53.23%	
GEG	22,800	GIẢM	TĂNG		24,205			12,900	21,149	76.74%	
GEX	22,800	TĂNG	TĂNG	22,900	21,903	-0.44%		24,700	21,615	-7.69%	
GMD	27,100	TĂNG	GIẢM	26,350	26,311	2.85%			27,993		
GTN	18,650	TĂNG	TĂNG	17,850	17,421	4.48%		15,000	16,369	24.33%	
GVR	12,700	TĂNG	#N/A	12,000	10,978	5.83%			#N/A		
HAG	5,160	GIẢM	GIẢM		5,356				5,935		
HBC	16,950	TĂNG	GIẢM	16,300	16,468	3.99%			18,315		
HCM	24,550	TĂNG	GIẢM	24,559	24,462	-0.04%			27,107		
HDG	41,150	TĂNG	GIẢM	40,600	38,361	1.35%			43,194		
HPX	26,250	GIẢM	#N/A		26,808				#N/A		
HSG	8,440	TĂNG	TĂNG	7,700	7,903	9.61%		8,452	6,886	-0.15%	
HT1	16,950	GIẢM	TĂNG		17,753			14,800	15,465	14.53%	
IBC	24,000	TĂNG	TĂNG	24,500	23,745	-2.04%		24,900	22,220	-3.61%	
IDI	8,140	TĂNG	TĂNG	8,410	7,952	-3.21%		9,150	7,253	-11.04%	
IJC	10,250	TĂNG	GIẢM	10,600	9,995	-3.30%			11,501		
ITA	3,280	TĂNG	TĂNG	3,190	2,980	2.82%		3,200	2,747	2.50%	
KBC	14,450	TĂNG	GIẢM	14,300	13,740	1.05%			15,013		
KSB	22,350	GIẢM	GIẢM		23,756				26,296		
LDG	9,110	TĂNG	GIẢM	9,560	9,100	-4.71%			11,012		
LPB	8,100	GIẢM	GIẢM		8,475				9,213		
MBS	15,800	TĂNG	#N/A	15,800	15,400	0.00%		16,000	#N/A	#N/A	
MPC	40,000	GIẢM	TĂNG	43,000	40,373	-6.11%	BÁN	42,741	39,990	-6.41%	
NBB	21,900	TĂNG	TĂNG	19,300	20,109	13.47%		21,500	20,822	1.86%	MUA
NKG	6,180	GIẢM	GIẢM		6,565				7,578		
NLG	30,750	TĂNG	TĂNG	27,650	29,805	11.21%		28,700	27,664	7.14%	
NT2	27,450	GIẢM	GIẢM		28,626				29,219		
NTC	#####	TĂNG	#N/A	112,000	129,920	26.25%		120,000	#N/A	#N/A	
NTL	24,200	TĂNG	TĂNG	18,346	23,214	31.91%		9,331	19,624	159.34%	
NVB	8,500	GIẢM	GIẢM		9,047				9,493		
OGC	4,400	TĂNG	GIẢM	4,420	4,230	-0.45%			4,794		
PC1	23,750	TĂNG	GIẢM	23,950	23,084	-0.84%			25,195		

We Create Fortune

PDR	24,700	TĂNG	TĂNG	24,100	23,934	2.49%		23,595	22,026	4.68%	
PHR	62,000	TĂNG	TĂNG	52,000	56,501	19.23%		22,864	46,883	171.17%	
PPC	27,600	TĂNG	TĂNG	26,065	26,469	5.89%		17,422	24,073	58.42%	
PTB	66,600	TĂNG	TĂNG	62,774	63,577	6.09%		60,780	56,935	9.58%	
PVD	20,300	GIẢM	TĂNG		20,915			18,500	17,783	9.73%	
PVI	37,100	GIẢM	TĂNG		39,447			31,325	35,916	18.44%	
PVT	17,000	TĂNG	GIẢM	16,950	16,394	0.29%			17,615		
QCG	5,140	TĂNG	TĂNG	5,400	4,954	-4.81%		5,910	4,638	-13.03%	
SAM	7,520	GIẢM	TĂNG		7,555			7,400	7,052	1.62%	
SBT	18,000	TĂNG	GIẢM	18,300	17,654	-1.64%			19,311		
SCR	7,100	TĂNG	GIẢM	7,250	7,086	-2.07%			7,650		
SHB	7,100	GIẢM	GIẢM		7,524				8,127		
SHS	11,600	GIẢM	TĂNG		12,113			12,100	10,571	-4.13%	
SJS	17,900	TĂNG	GIẢM	18,300	16,721	-2.19%			19,930		
STK	25,200	TĂNG	TĂNG	23,700	23,637	6.33%		17,000	19,784	48.24%	
SZC	19,750	TĂNG	#N/A	16,750	17,225	17.91%			#N/A		
TCH	21,000	GIẢM	TĂNG		21,661			21,000	20,591	0.00%	
TCM	29,200	TĂNG	GIẢM	30,400	27,388	-3.95%			33,791		
TNG	24,300	TĂNG	TĂNG	22,400	21,944	8.48%		12,000	19,317	102.50%	
TTB	24,500	TĂNG	TĂNG	24,100	23,168	1.66%		23,700	22,094	3.38%	
VCI	30,500	GIẢM	GIẢM		32,145				37,082		
VGT	11,900	TĂNG	#N/A	12,000	11,274	-0.83%			#N/A		
VHC	96,000	TĂNG	GIẢM	91,681	90,491	4.71%			98,373		
VND	16,200	TĂNG	GIẢM	16,250	16,014	-0.31%			17,819		
VNG	21,400	GIẢM	GIẢM		22,000				23,055		
VPI	40,500	GIẢM	GIẢM		41,947				42,859		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10,000	GIẢM	#N/A		10,731			16,850	#N/A	#N/A	
AGR	3,640	GIẢM	TĂNG		3,863			3,990	3,542	-8.77%	
AMD	1,800	GIẢM	GIẢM		1,901				2,319		
APG	7,800	GIẢM	GIẢM		8,107				9,066		
ART	2,600	GIẢM	GIẢM		2,991				3,618		
BCC	8,600	TĂNG	TĂNG	9,000	8,576	-4.44%		7,700	7,657	11.69%	
BCG	6,010	GIẢM	TĂNG		6,357			6,390	5,406	-5.95%	

We Create Fortune

C69	10,300	TĂNG	TĂNG	8,800	10,112	17.05%		5,300	7,061	94.34%	
CCL	4,080	TĂNG	TĂNG	3,550	3,927	14.93%		3,460	3,576	17.92%	
CRC	15,000	GIẢM	GIẢM		16,589				19,699		
CVT	19,300	GIẢM	GIẢM		20,588			20,171	19,642	-2.62%	
DAG	6,660	GIẢM	GIẢM		6,934				7,491		
DAH	8,400	GIẢM	TĂNG		8,609			4,664	7,307	80.10%	
DGW	22,800	TĂNG	GIẢM	23,100	22,464	-1.30%			24,255		
DLG	1,380	GIẢM	GIẢM		1,520			1,730	1,395	-19.35%	
DRH	6,660	GIẢM	GIẢM		7,428				8,695		
DTD	14,200	TĂNG	TĂNG	10,400	12,432	36.54%		12,900	9,972	10.08%	
EVG	2,740	GIẢM	GIẢM		2,920				3,023		
FIT	3,450	TĂNG	TĂNG	3,310	3,012	4.23%		3,640	2,853	-5.22%	
GKM	15,000	GIẢM	TĂNG	15,600	15,025	-3.68%	BÁN	11,425	14,952	31.29%	
HAH	13,800	TĂNG	GIẢM	13,800	13,231	0.00%			14,212		
HAI	1,650	GIẢM	GIẢM		1,710				2,014		
HAP	4,340	TĂNG	TĂNG	4,060	4,224	6.90%		3,670	3,579	18.26%	
HAR	4,200	TĂNG	TĂNG	3,250	3,515	29.23%		3,710	3,568	13.21%	
HCD	4,070	GIẢM	GIẢM		4,429				5,038		
HDA	11,000	GIẢM	TĂNG		11,481			10,400	10,481	5.77%	
HDC	16,550	TĂNG	GIẢM	15,700	15,642	5.41%			16,575		
HHP	17,400	GIẢM	#N/A	16,400	17,941	9.40%	BÁN		#N/A		
HHS	3,590	GIẢM	GIẢM		3,754				4,056		
HII	13,450	TĂNG	GIẢM	13,450	13,397	0.00%	MUA		15,093		
HQC	1,390	GIẢM	GIẢM		1,440				1,542		
HSL	10,000	TĂNG	GIẢM	9,600	9,737	4.17%			11,235		
HUT	2,900	GIẢM	GIẢM		3,383				4,146		
HVG	3,820	GIẢM	GIẢM		4,517				5,973		
HVH	27,000	GIẢM	#N/A		27,161				#N/A		
JVC	3,090	GIẢM	TĂNG		3,222			3,280	2,981	-5.79%	
KLF	1,600	GIẢM	GIẢM		1,843				2,006		
KMR	3,450	TĂNG	TĂNG	3,450	3,340	0.00%	MUA	3,680	2,649	-6.25%	
LCG	9,990	GIẢM	GIẢM		10,621				11,817		
LGL	9,350	GIẢM	TĂNG		10,057			7,113	8,529	31.45%	
LHG	19,300	TĂNG	TĂNG	17,862	18,403	8.05%		19,300	18,998	0.00%	MUA
LMH	13,300	TĂNG	#N/A	12,400	12,483	7.26%			#N/A		
MST	3,700	GIẢM	GIẢM		4,457				5,089		
NDN	14,700	TĂNG	TĂNG	14,100	14,190	4.26%		13,104	11,838	12.18%	
PHC	13,250	TĂNG	TĂNG	13,800	12,959	-3.99%		14,450	12,650	-8.30%	
PVB	19,400	TĂNG	TĂNG	20,100	18,902	-3.48%		20,100	16,786	-3.48%	



We Create Fortune

PVC	7,300	TĂNG	TĂNG	7,400	7,020	-1.35%		7,100	6,199	2.82%	
PXL	6,900	TĂNG	GIẢM	6,400	6,111	7.81%			7,604		
PXS	5,050	GIẢM	TĂNG		5,385			4,850	4,262	4.12%	
QBS	3,440	TĂNG	GIẢM	3,350	3,163	2.69%			3,619		
SFG	17,000	TĂNG	TĂNG	15,550	16,381	9.32%		11,494	13,188	47.90%	
SHI	8,290	GIẢM	TĂNG		8,555			6,233	7,261	33.01%	
SJF	3,650	GIẢM	GIẢM		3,980				5,369		
SKG	14,000	TĂNG	GIẢM	13,950	13,636	0.36%			14,892		
TDH	11,900	TĂNG	TĂNG	11,700	11,330	1.71%		11,650	10,730	2.15%	
TIG	3,700	GIẢM	TĂNG		3,711			3,200	3,029	15.63%	
TLD	5,800	GIẢM	GIẢM	6,020	5,849	-2.84%	BÁN		6,758		
TLH	5,050	GIẢM	TĂNG		5,242			5,850	4,797	-13.68%	
TNI	10,750	GIẢM	GIẢM		11,011				12,167		
TTF	3,480	TĂNG	TĂNG	3,690	3,323	-5.69%		3,990	3,028	-12.78%	
TTH	4,400	GIẢM	TĂNG		4,732			5,273	4,217	-16.55%	
TVB	18,200	GIẢM	GIẢM		19,210				20,422		
TVC	13,100	TĂNG	TĂNG	13,700	12,791	-4.38%		9,400	12,451	39.36%	
VC3	23,200	TĂNG	TĂNG	23,100	22,538	0.43%		22,000	21,070	5.45%	
VCR	22,200	TĂNG	TĂNG	13,300	19,605	66.92%		3,900	11,317	469.23%	
VNE	4,110	GIẢM	TĂNG		4,290			4,650	3,958	-11.61%	
VPG	22,600	TĂNG	TĂNG	17,583	21,270	28.53%		20,456	16,505	10.48%	
VRC	16,750	TĂNG	GIẢM	17,000	16,568	-1.47%			18,678		
YBM	10,550	GIẢM	GIẢM		11,540				13,685		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	972	-0.32%
VN30	885.27	-0.44%
VN Mid	983.82	0.38%
VN Small	820	0.16%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	105.03	-0.01%
HN30	193.81	0.03%
VNX AllSh	861.25	-0.41%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.13	-0.22%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	800.98	
Bán	773.98	
GT rỗng	27	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	4.82	
Bán	14.79	
GT rỗng	-9.98	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	16.09	
Bán	31.44	
GT rỗng	-15.35	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	1200	6.94%
SRC	1800	6.90%
SZL	2800	6.90%
TIP	1400	6.90%
DPR	2700	6.54%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	900	3.85%
L14	1300	2.92%
VCS	1700	2.69%
DNP	300	2.00%
PVS	300	1.24%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DRI	900	12.86%
GVR	1200	10.43%
CTR	1700	6.20%
VGI	1700	6.18%
SDI	3400	4.84%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	-130	-3.29%
TIX	-1000	-3.23%
FRT	-1500	-2.90%
DRC	-550	-2.46%
EIB	-400	-2.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-200	-6.45%
NDN	-500	-3.29%
VCR	-600	-2.63%
VCG	-300	-1.12%
PVI	-400	-1.07%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	-1700	-4.08%
C4G	-200	-2.02%
EVF	-100	-1.61%
QNS	-300	-0.95%
GEG	-200	-0.87%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	394,443	
VHM	282,699	
VCB	249,978	
VNM	233,346	
GAS	206,132	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,168	
VCG	11,882	
PVS	11,519	
VCS	9,894	
PVI	8,667	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	177,193	
VEA	68,926	
VGI	61,761	
MCH	59,773	
GVR	46,124	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ITA	10,026,490	3,501,822
EIB	8,190,450	2,685,551
HSG	8,076,420	3,233,533
POW	6,265,080	2,470,138
ROS	5,405,850	10,855,317

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VGS	4,977,800	19,443
SHB	2,751,465	4,052,067
PVS	2,503,733	4,228,667
HUT	2,113,031	1,362,352
TNG	1,831,973	942,658

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HHA	2,652,788	8,768
BSR	2,253,575	2,193,755
CTR	1,726,589	245,416
VGI	1,437,113	607,527
EVF	1,266,891	470,541

Nguồn: Bloomberg & YSVN

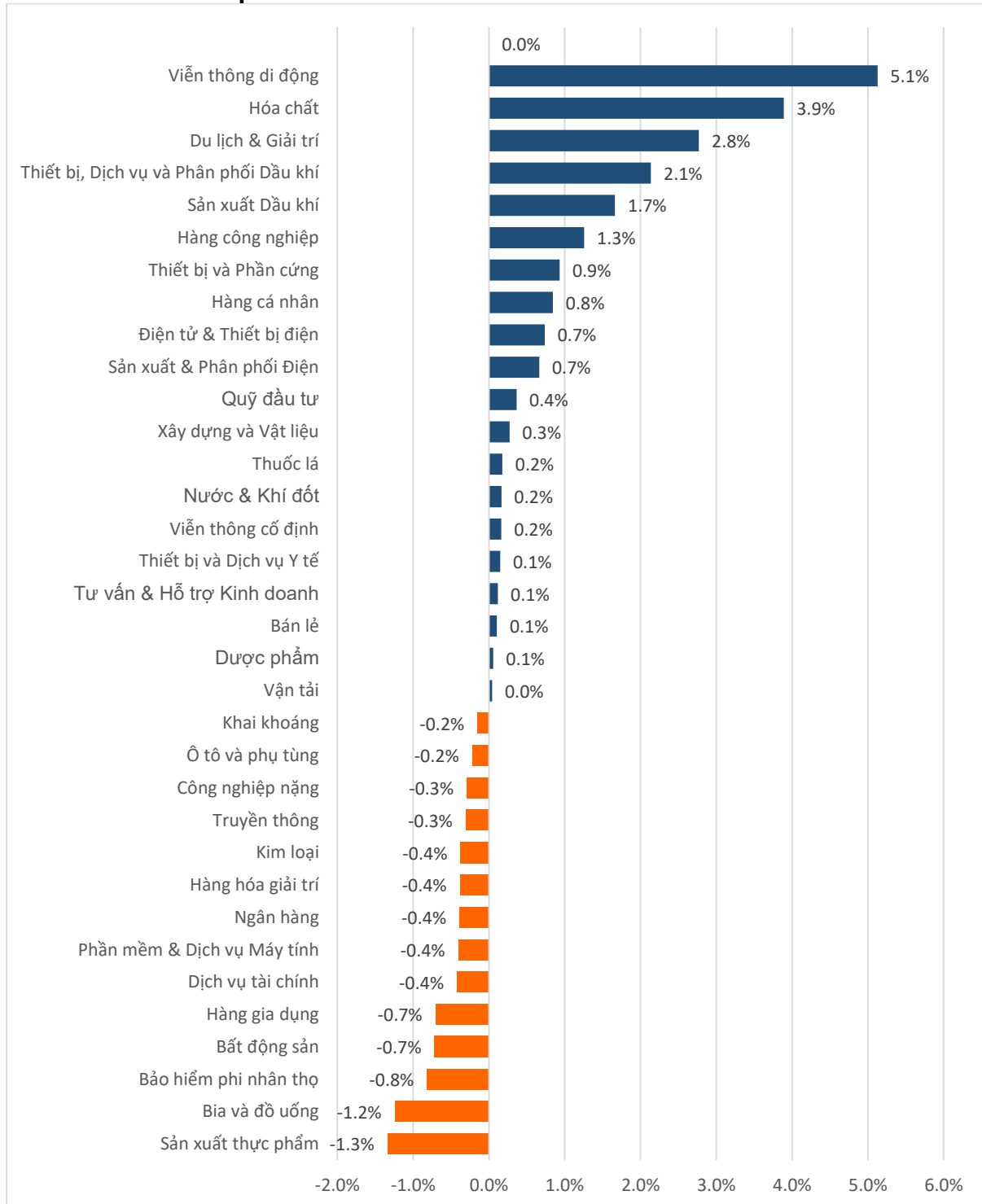
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



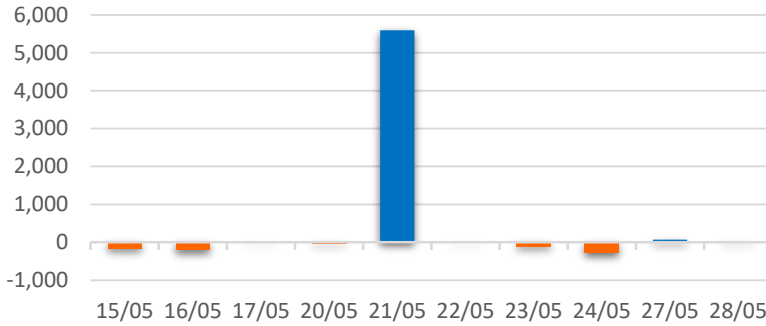
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

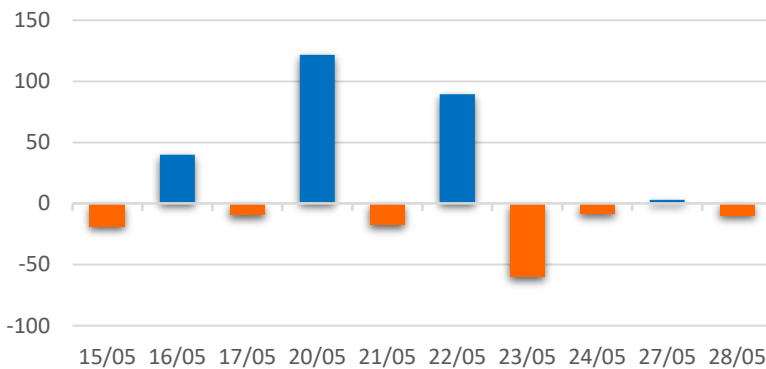
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VJC	100,326	HPG	39,588
POW	28,567	VRE	33,375
PLX	23,414	VNM	28,955
E1VFN30	15,248	VHM	24,790
GEX	10,517	VIC	23,145

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

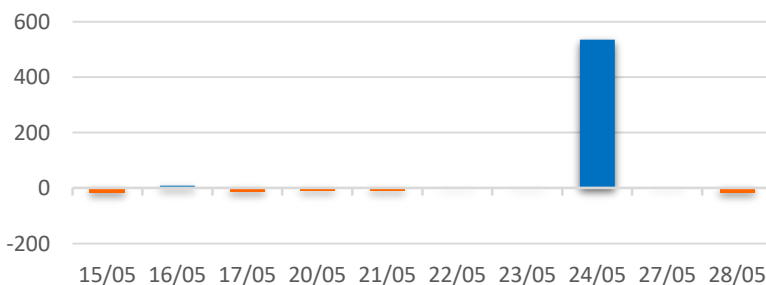
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	1,492	NTP	9,007
SHS	280	PVS	805
ART	104	HAD	663
TIG	77	BCC	531
BTW	51	WCS	378

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEG	3,475	CTR	17,703
BSR	2,002	LPB	2,885
VGI	1,866	ACV	899
FOC	902	OIL	792
BCM	227	VEA	769

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



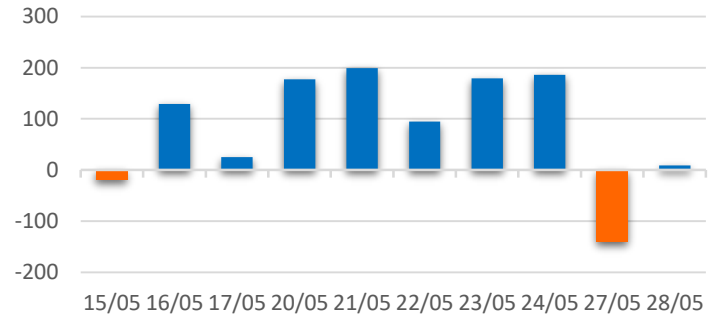
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

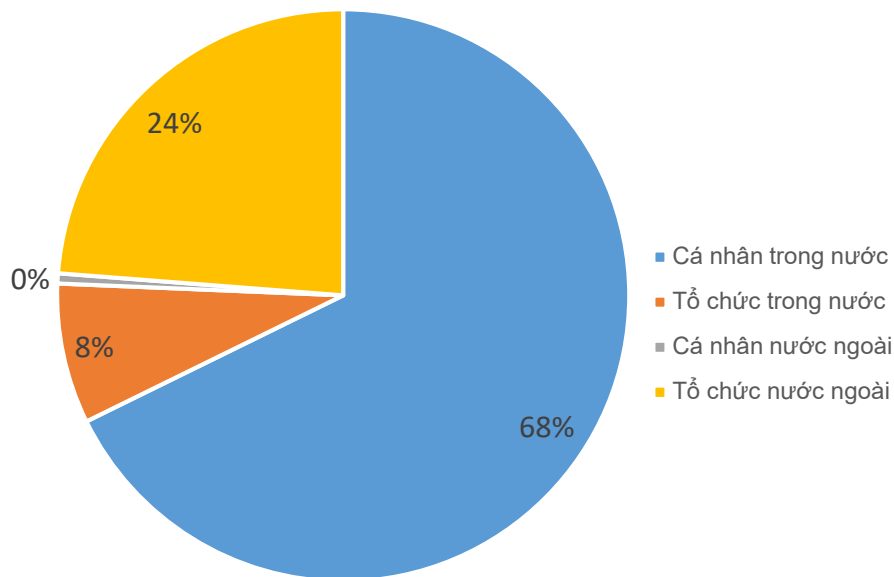
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	15,890	VHM	1,871
VIC	2,081	VIC	0
VHM	15,890	E1VFN30	20,738
VNM	2,734	TCB	5,567
TCB	1,732	VPB	5,973

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

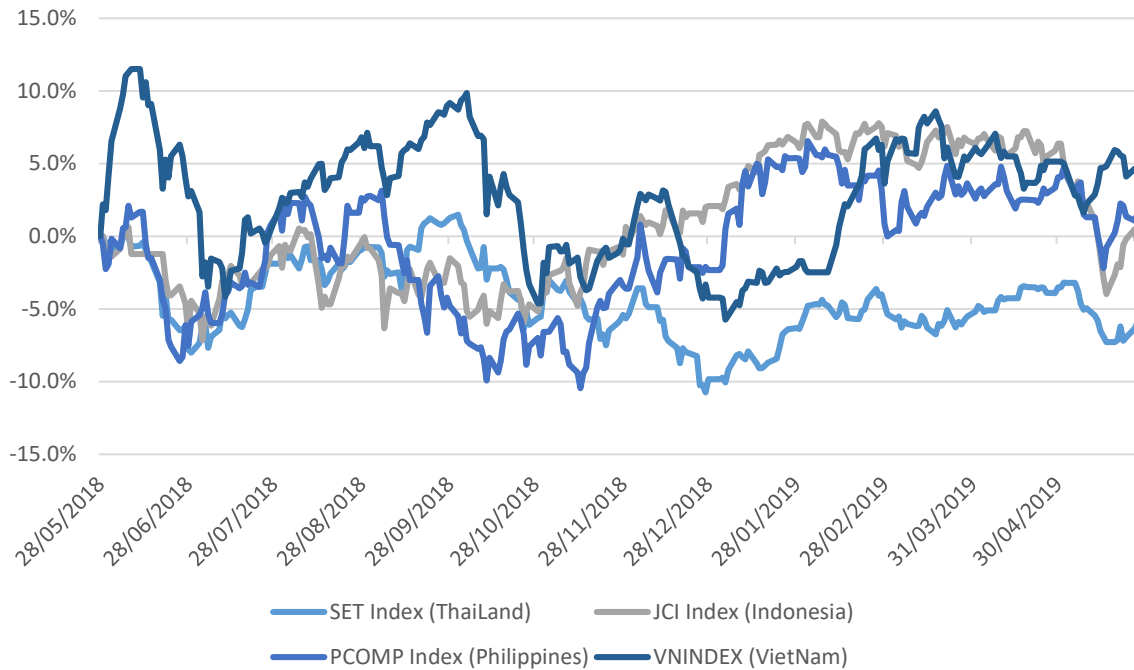


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

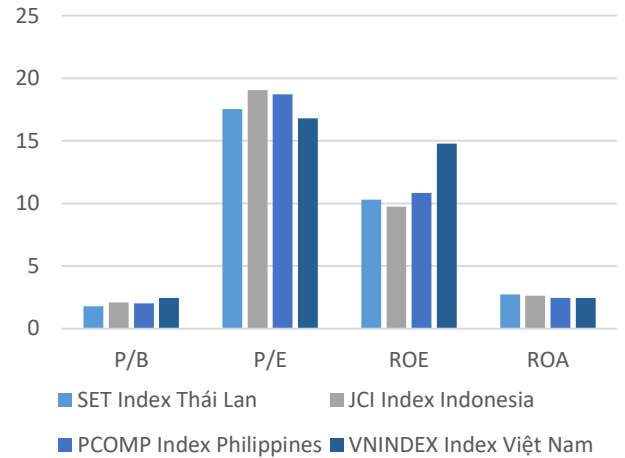
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		17.5x	19.1x	18.7x	16.8x
ROE	%	10.30	9.72	10.84	14.79
ROA	%	2.73	2.63	2.44	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
GTGD	Triệu USD	17.5x	19.1x	18.7x	16.8x
LS cổ tức	%	10.30	9.72	10.84	14.79

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written